



## THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TỈNH BẮC NINH THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ

*ThS. Khổng Văn Thắng\**

Nông nghiệp, nông thôn có một vai trò vị trí hết sức quan trọng trong việc phát triển bền vững kinh tế - xã hội và ổn định tình hình an ninh nông thôn. Trong những năm qua thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá IX về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh Bắc Ninh lần thứ 17 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tỉnh Bắc Ninh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương triển khai nhiều chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực nông thôn và nông nghiệp. Kết quả là khu vực nông nghiệp và nông thôn đã có nhiều chuyển biến tích cực, hàng năm đóng góp trên 8% trong tổng GDP của tỉnh và tạo việc làm thường xuyên cho hàng vạn lao động, không chỉ vậy nông nghiệp Bắc Ninh còn đảm bảo an ninh lương thực và nhất là ổn định an ninh chính trị nông thôn trong tình hình mới.

### **1. Kết cấu hạ tầng nông thôn được đầu tư nâng cấp và xây dựng đồng bộ, theo hướng ngày càng hiện đại**

Hệ thống điện, ngay từ cuối năm 2004, Bắc Ninh là tỉnh đầu tiên trong cả nước chuyển giao cho ngành điện quản lý toàn bộ mạng lưới điện nông thôn và thực hiện bán điện trực tiếp đến từng nông hộ. Hệ thống

điện ở nông thôn Bắc Ninh đã đảm bảo yêu cầu của việc cung cấp điện sử dụng vào tưới tiêu, các hoạt động sản xuất và phục vụ sinh hoạt nông thôn. Hệ thống lưới điện quốc gia đã được bao phủ sớm, thúc đẩy điện khí hóa sản xuất, kinh doanh, phục vụ đời sống. Từ năm 2006 đến nay 100% số xã và 100% số thôn có điện. Tỷ lệ này của toàn quốc là 99,8% và 95,5%; Cửa Đồng bằng sông Hồng là 99,9% và 99,6%. Nhờ có điện, mà trong hoạt động sản xuất kinh doanh sức người được dần thay thế bằng các công cụ, máy móc sử dụng điện năng. Điện dùng vào các khâu của sản xuất nông nghiệp, sản xuất phi nông nghiệp ngày càng tăng, làm cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn nông nghiệp Bắc Ninh diễn ra nhanh. Điện sinh hoạt được cung ứng đầy đủ, chất lượng ngày càng cải thiện, đồ dùng sử dụng điện phát triển nhanh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân cư.

Hệ thống hạ tầng giao thông, trong thời gian từ 2006-2011 bằng việc chủ động tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước, cùng với đa dạng hoá các nguồn vốn để ưu tiên phát triển mạnh mẽ mạng lưới giao thông nông thôn. Đến nay, hệ thống giao thông nông thôn đã phát triển đồng bộ về số lượng và nâng cấp về chất lượng góp phần tích cực trong thu hút các nhà đầu tư về khu

\* Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

vực nông thôn, tạo nhiều công ăn việc làm, xoá đói, giảm nghèo và giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khác ở khu vực nông thôn. Đến năm 2011, toàn tỉnh có 93 xã, chiếm 93% tổng số xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã được nhựa hoá, bê tông hoá, tăng 12,0% so với năm 2006. Tỷ lệ các xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã được nhựa, bê tông hoá của thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn; huyện Tiên Du; huyện Thuận Thành đạt 100%; huyện Lương Tài 92,3%; huyện Quế Võ 90%; huyện Yên Phong và Gia Bình 84,6%. Sự phát triển hệ thống giao thông đã tác động đẩy nhanh tiến trình đô thị hoá và sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn Bắc Ninh.

Hệ thống trường phổ thông, giáo dục mầm non, với truyền thống hiếu học trong dân và quyết tâm thực hiện chủ trương của Đảng về từng bước xã hội hoá giáo dục, trong những năm qua tỉnh Bắc Ninh đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng để xây dựng mới, cải tạo nâng cấp trường học. Nhờ vậy hệ thống trường học các cấp ở nông thôn tiếp tục được mở rộng và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 2011, có 100 xã (100%) đều có trường tiểu học và trung học cơ sở; 15% số xã có trường trung học phổ thông. Cùng với sự phát triển, khép kín hệ thống trường ở cấp xã, các cơ sở giáo dục mầm non cũng được mở rộng nhanh đến cấp thôn. Đến nay toàn tỉnh đã có 71,8% số thôn có lớp mẫu giáo, 59,7% số thôn có nhà trẻ (*Năm 2006 các tỷ lệ này là 96,1%; 48,5% và năm 2011 của toàn quốc là 45,57% và 15,6%*).

Hệ thống thông tin, văn hoá, thể thao, năm 2011, trong khu vực nông thôn, 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông; 95% số xã có điểm bưu điện văn hoá hoặc trạm bưu điện (năm 2006 là 94,5%); 47% số xã có nhà văn hoá (năm 2006 là 34,9%);

100% số xã và số thôn có hệ thống loa truyền thanh đến thôn; 21% xã có sân thể thao xã. Bên cạnh việc xây dựng các nhà văn hoá xã, hệ thống nhà văn hoá thôn, khu thể thao thôn đã hình thành và phát triển nhanh: Đến năm 2011 có 82% số thôn có nhà văn hoá (năm 2006 là 81,3%), 37,5% số thôn có khu thể thao thôn. Như vậy, hệ thống thông tin, văn hoá, thể thao ở nông thôn tỉnh Bắc Ninh đã có sự phát triển mạnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân.

Hệ thống y tế, đến nay mạng lưới trạm y tế xã đã được phủ kín trên phạm vi toàn tỉnh với cơ sở vật chất và chất lượng đội ngũ cán bộ y tế tăng cường rõ nét. Năm 2011, toàn tỉnh có 100 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã (đạt 100%). Để phục vụ và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng ở nông thôn được tốt hơn, hệ thống y tế đã được chú ý và mở rộng nhanh đến cấp thôn. Toàn tỉnh năm 2011 có 99,3% số thôn có cán bộ y tế thôn (năm 2006 có 95,6%). Điều đáng chú ý là cùng với việc mở rộng mạng lưới y tế của Nhà nước, hệ thống khám, chữa bệnh tư nhân được tạo điều kiện phát triển có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, góp phần quan trọng vào chăm sóc sức khoẻ tại chỗ, ban đầu cho cộng đồng. Đến nay, toàn tỉnh có 41% số xã có cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân và 81% xã có cơ sở kinh doanh thuốc tây y.

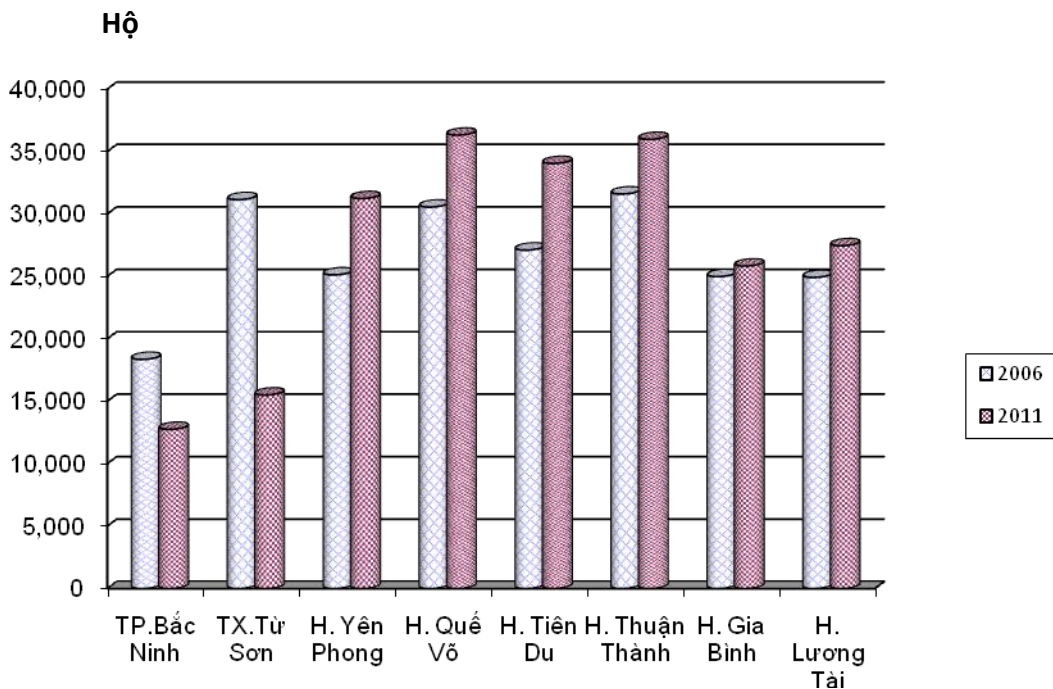
Việc cung cấp nước sạch cũng đang được chính quyền các cấp quan tâm đầu tư phát triển với 16% số xã có công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (năm 2006 có 12,8%). Vệ sinh môi trường từng bước được cải thiện với 87% số xã có xây hệ thống thoát nước thải chung (năm 2006 có 71,6%) và 94% số xã tự tổ chức (hoặc thuê) thu gom rác thải năm (năm 2006 có 74,3%).

**2. Quá trình đô thị hóa diễn ra khá nhanh, số lượng hộ nông thôn tăng chậm lại, nhiều địa phương có xu hướng giảm dần**

Kinh tế xã hội phát triển theo hướng CNH, HĐH thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động xã hội và đô thị hóa nông thôn. Đơn vị hành chính thuộc khu vực thành thị tăng lên, ở các xã thuộc khu vực nông thôn, các thị tứ, các tụ điểm giao lưu kinh tế và làm cho bộ mặt nông thôn đã có nhiều đổi mới. Tính đến ngày 01/7/2011, cả tỉnh còn 100 xã với 557 thôn giảm 9 xã và 53 thôn so với năm 2006. Tổng số hộ nông thôn toàn tỉnh là 219.069 hộ, tăng 5.333 hộ (+2,5%) so với năm 2006. Trong đó các huyện tăng nhanh nhất là huyện Tiên Du (+25,6%), Yên Phong (+24,3%), Quế Võ (+18,9), Thuận Thành (+13,9%), Lương Tài (+10,2%). Huyện tăng ít nhất là Gia Bình (+3,4%). Riêng thị xã Từ Sơn và thành phố Bắc Ninh

có số hộ nông thôn giảm, giảm nhiều nhất là thị xã Từ Sơn (-50,2%), thành phố Bắc Ninh giảm ít hơn nhưng số lượng giảm cũng khá lớn (-30,5%). Tính chung cả tỉnh, số hộ nông thôn có tăng nhưng tốc độ tăng chậm hơn so với thời kỳ 2001-2006. Nếu như thời kỳ 2001-2006 mỗi năm tăng 1.381 hộ, đạt tốc độ tăng 0,65%/năm thì đến thời kỳ 2006-2011 mỗi năm chỉ tăng 1.066 hộ, tốc độ chỉ tăng 0,48%/năm. Nguyên nhân chính của tình hình này là do thời kỳ 2006-2011 tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh hơn, số lượng tách hộ cũng giảm dần khi qui mô hộ đã càng ngày càng nhỏ hơn. Riêng các huyện có số hộ nông thôn tăng nhiều còn có nguyên nhân do các khu công nghiệp phát triển mạnh đã thu hút người lao động ở các tỉnh khác về cư trú và từng bước định cư ở khu vực nông thôn của tỉnh Bắc Ninh.

**Hình 1. So sánh số hộ khu vực nông thôn theo đơn vị hành chính qua hai kỳ tổng điều tra năm 2006 và 2011**

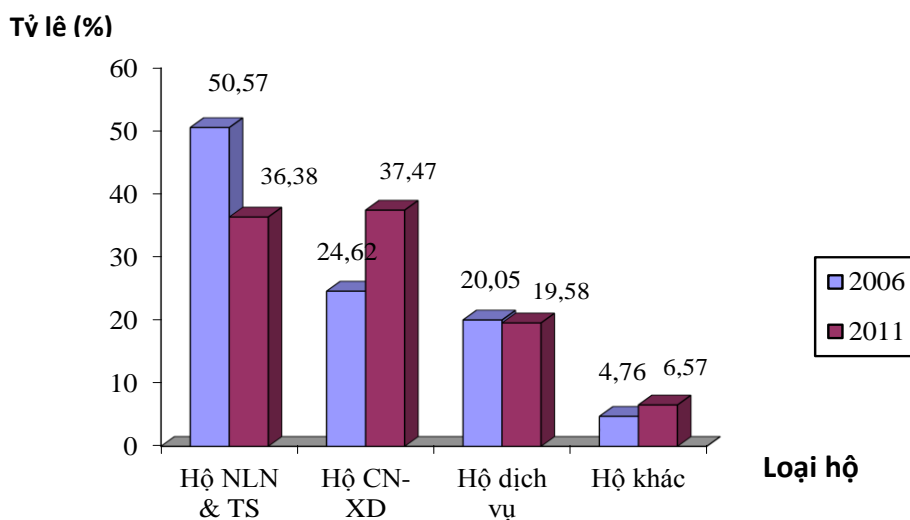


### 3. Cơ cấu ngành nghề của hộ nông thôn tuy chuyển dịch nhanh, nhưng vẫn còn tình trạng không đồng đều giữa các địa phương

Điểm nổi bật của kinh tế nông thôn Bắc Ninh là sự giảm nhanh số lượng và tỷ trọng nhóm hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản; tăng số lượng và tỷ trọng nhóm hộ công nghiệp và dịch vụ. Đến 01/7/2011 số hộ nông, lâm nghiệp thủy sản ở khu vực nông thôn là 79.697 hộ, giảm 28.383 hộ (-26,3%). Còn số hộ công nghiệp và xây dựng là 82.092 hộ, tăng 29.479 hộ (+56%); số hộ dịch vụ 42.901 hộ, tăng 42 hộ (+0,1%). Trong khi đó, tính chung toàn quốc, số hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 2,7%; hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng 47,2%; vùng Đồng bằng sông Hồng có số hộ nông lâm nghiệp và thủy

sản giảm 14,6%; hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng 47,5%. Có thể nói 5 năm qua tỉnh Bắc Ninh có số hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản ở khu vực nông thôn giảm nhanh hơn và tương ứng số hộ công nghiệp và xây dựng tăng lên rất nhiều so với bình quân chung toàn quốc và vùng Đồng bằng sông Hồng. Sự biến động này tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu hộ rõ nét so với năm 2006, tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản khu vực nông thôn giảm từ 50,57% xuống còn 36,38%; tỷ trọng hộ công nghiệp và xây dựng tăng từ 24,62% lên 37,47%; tỷ trọng hộ dịch vụ giảm từ 20,05% xuống 19,59%. Tính chung tỷ trọng hai nhóm hộ công nghiệp-xây dựng và dịch vụ đã tăng 30,9% (từ 44,67% lên 57,06%).

**Hình 2. Cơ cấu hộ nông thôn theo ngành sản xuất chính qua hai kỳ tổng điều tra năm 2006 và 2011**



Tuy nhiên, bên cạnh sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề tích cực như trên trong từng địa phương sự chuyển dịch này còn có sự khác biệt khá rõ nét. Các địa phương có tốc độ giảm số hộ nông, lâm

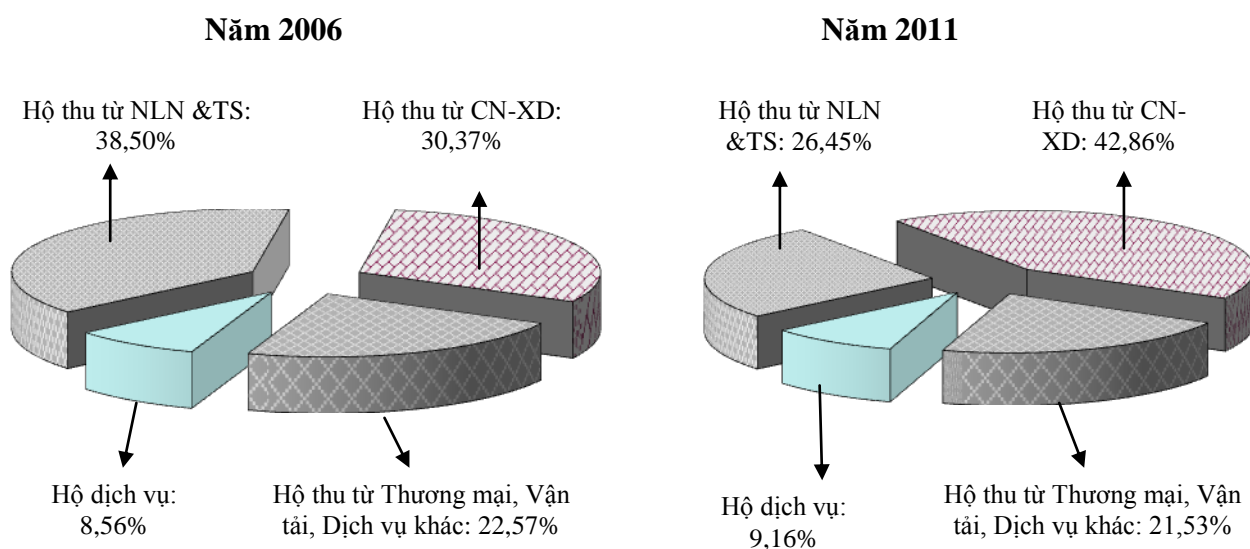
nghiệp và thủy sản nhanh gồm thị xã Từ Sơn giảm 71,5%; huyện Tiên Du giảm 49,1%; thành phố Bắc Ninh giảm 42,2%; huyện Yên Phong giảm 41,7%; huyện Thuận Thành giảm 33,9%. Đây cũng chính là

những địa phương có số hộ công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tăng mạnh như: huyện Tiên Du tăng 123,9%; huyện Quế Võ tăng 105,8%; huyện Yên Phong tăng 83,2%; huyện Thuận Thành tăng 55,8%. Đến năm 2011 đã có 5/8 huyện, thị xã, thành phố có tỷ trọng hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm trên 50% tổng số hộ nông thôn (năm 2006 chỉ có 3/8 huyện, thị xã, thành phố). Những địa phương có tỷ trọng này cao như thị xã Từ Sơn (chiếm 83,9%); huyện Yên Phong (74,7%); huyện Tiên Du (70,9%); huyện Thuận Thành (66,0%)....

Bên cạnh các địa phương có sự chuyển dịch nhanh nêu trên, vẫn còn một số địa phương có sự chuyển dịch chậm là Lương Tài, Gia Bình và Quế Võ. Tỷ trọng các hộ công nghiệp- xây dựng và dịch vụ ở huyện Lương Tài tăng từ 27,4% năm 2006 lên 32% năm 2011; huyện Gia Bình từ 35,4% lên 38,5%; huyện Quế Võ từ 22,9% lên 39,6%. Nếu xét theo nguồn thu

nhập chính của hộ, chúng ta còn thấy rõ hơn sự chuyển dịch và nguyên nhân thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Toàn tỉnh, tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp thủy sản năm 2011 chiếm 36,38% số hộ khu vực nông thôn nhưng chỉ có 26,45% số hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp thủy sản. Như vậy, sẽ có nhiều hơn 9,9% số hộ nông thôn có ngành nghề sản xuất chính là nông, lâm nghiệp, thủy sản nhưng nguồn thu nhập lớn nhất lại từ các ngành phi nông, lâm nghiệp, thủy sản. Trong khi đó, tỷ trọng hộ công nghiệp, xây dựng chiếm 37,47% nhưng lại có 42,86% số hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ các hoạt động công nghiệp, xây dựng. Điều đó đồng nghĩa là có rất nhiều hộ có ngành sản xuất chính không phải là công nghiệp, xây dựng nhưng nguồn thu nhập lớn nhất lại từ công nghiệp, xây dựng. Hai tỷ lệ tương ứng của hộ dịch vụ là 19,58% và 21,53%.

**Hình 3. Cơ cấu hộ nông thôn theo nguồn thu nhập chính qua hai kỳ tổng điều tra năm 2006 và 2011**



Ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, tỷ lệ hộ có nguồn thu nhập lớn nhất từ công nghiệp -

xây dựng đều cao hơn tỷ trọng hộ làm ngành chính là công nghiệp - xây dựng, cụ thể của thành phố Bắc

Ninh 29,85% và 26,15%; thị xã Từ Sơn 52,93% và 51,71%; huyện Yên Phong 33,55% và 26,635; Quế Võ 22,79% và 11,14%; Tiên Du 32,1% và 23,16%; Thuận Thành 28,81% và 25,74%; Gia Bình 24,77% và 17,6%; Lương Tài 14,41% và 11,29%. Đối với hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản thì xu hướng ngược lại, cụ thể: thành phố Bắc Ninh, tỷ lệ này 35,03% và 43,21%; thị xã Từ Sơn 12,78% và 16,53%; huyện Yên Phong 32,77% và 45,99%; Quế Võ 52,34% và 73,58%; Tiên Du 41,34% và 55,68%; Thuận Thành 38,35% và 47,58%; Gia Bình 43,38% và 57,92%; Lương Tài 54,23% và 65,66%. Điều đó chứng tỏ sự đa dạng về hoạt động kinh tế trong mỗi hộ và hiệu quả sản xuất của các ngành nghề công nghiệp, xây dựng cao hơn hẳn so với các hoạt động nông, lâm nghiệp, thủy sản. Đây là nguyên nhân làm cho số hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm nhanh, đồng thời số hộ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng nhanh tương ứng. Thêm nữa, do diện tích đất canh tác thu hẹp, xu hướng giảm nhanh số hộ có kinh tế thuần nông. Nghĩa là, ngoài ngành sản xuất chính, các hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản đã tích cực khai thác các nguồn vốn và sử dụng số lao động dôi dư, thời gian nông nhàn để tổ chức thêm các hoạt động kinh tế phi nông, lâm nghiệp, thủy sản khác; dần dần các ngành này trở thành ngành sản xuất chính của hộ. Đây là xu hướng khá phổ biến trong nông thôn – còn gọi là xu hướng “ly nông bất ly hương”, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực, tăng thu nhập, cải thiện đời sống dân cư nông thôn.

#### **4. Sản xuất phát triển, thu nhập tăng nên vốn tích lũy trong dân những năm qua tăng khá**

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức xã hội, ở khu vực nông thôn có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập tăng.

Theo kết quả khảo sát mức sống năm 2010, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng ở khu vực nông thôn đạt 1.444,5 ngàn đồng, tăng 824 ngàn đồng (gấp 2,3 lần) so với năm 2006. Nguồn thu nhập tăng vừa trang trải được chi tiêu, cải thiện đời sống đồng thời còn dư để tích lũy. Theo kết quả sơ bộ của cuộc Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, vốn tích lũy bình quân 1 hộ nông thôn tại thời điểm 01/7/2011 đạt 29.722 ngàn đồng, tăng 2,9 lần so với tích lũy tại thời điểm 01/7/2006.

#### **5. Chính quyền quan tâm đầu tư hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, người nghèo ổn định cuộc sống nhằm bảo đảm an sinh xã hội**

Ngoài việc tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chung cho khu vực nông thôn, trong những năm qua tỉnh Bắc Ninh đã quan tâm đầu tư hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, người nghèo nhằm bảo đảm an sinh xã hội. Theo số liệu tổng hợp sơ bộ, khu vực nông thôn có 1.985 hộ chiếm tỷ lệ 9,4% được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà năm 2010 (tỷ lệ này cả nước là 1,6%) và năm 2010 có 51.542 hộ chiếm tỷ lệ 23,5% được vay vốn ưu đãi theo các chương trình, dự án (toàn quốc là 21,7%).

#### **6. Trong nông nghiệp đầu tư thâm canh tăng năng suất đã góp phần duy trì tăng trưởng của khu vực này**

Trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, kinh tế hộ gia đình kể từ khi thực hiện “khoán 10” đã phát huy sức sản xuất, thực sự trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ và là hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, phổ biến trong nông thôn nước ta cũng như ở Bắc Ninh hiện nay. Toàn tỉnh Bắc Ninh có 89.136 hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản; trong đó khu vực nông thôn 79.697 hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản, so với năm 2006 giảm 28.383 hộ, tương ứng giảm 26,3% (Cả nước giảm 1,0%; vùng Đồng bằng sông Hồng

giảm 11,4%). Đây là xu hướng giảm tích cực theo định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nói chung, ở khu vực nông thôn nói riêng, thúc đẩy quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh, hướng tới mục tiêu “Phân đầu đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại và thành phố trực thuộc trung ương vào năm 2020” (Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/9/2010 của Tỉnh ủy Bắc Ninh).

Trong nội bộ nhóm hộ nông, lâm nghiệp thủy sản cũng diễn ra xu hướng chuyển dịch tích cực nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai và sử dụng hợp lý nguồn vốn, lao động trong nông thôn. Những năm qua các địa phương trong tỉnh đã chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng sang nuôi trồng thủy sản. Vì vậy, số lượng hộ và tỷ trọng số hộ nông nghiệp giảm dần và làm tăng tỷ trọng hộ thủy sản trong tổng số hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản. Tính riêng khu vực nông thôn có: Hộ nông nghiệp toàn tỉnh có 76.053 hộ, so với năm 2006 giảm 27.462 hộ (-26,5%), (Cả nước giảm 1,6%, vùng Đồng bằng sông Hồng giảm 11,9%). Hộ nông nghiệp tỷ trọng lớn nhất (chiếm 95,42%) trong nhóm hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh. Xu hướng giảm số hộ nông nghiệp diễn ra ở hầu hết các địa phương; trong đó giảm mạnh là: Thị xã Từ Sơn, giảm 3.588 hộ (-71,0%), ngoài các nguyên nhân khác còn do có 5 xã trước đây nay chuyển thành phường. Thành phố Bắc Ninh giảm 3.288 hộ (-42%), ngoài các nguyên nhân khác còn do có 4 xã trước đây nay chuyển thành phường. Huyện Tiên Du giảm 7.399 hộ (-49,7%); Huyện Yên Phong giảm 4.720 hộ (-42%) ; Hiện tượng giảm số hộ có ngành sản xuất chính là nông nghiệp cũng phù hợp với thực tế diện tích canh tác cũng như diện tích trồng cây hàng năm đang ngày một giảm, lực lượng lao động tập trung thu hút vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Đây là kết quả tích cực

trong việc chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong những năm qua của tỉnh Bắc Ninh. Hộ lâm nghiệp của tỉnh Bắc Ninh có số lượng rất ít, chiếm tỉ trọng rất nhỏ trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản. Nếu năm 2006 cả tỉnh có 14 hộ thì đến năm 2011 cũng chỉ có 13 hộ. Hộ thủy sản, trong những năm qua cũng có xu hướng giảm nhưng giảm chậm hơn. Năm 2011, cả tỉnh có 3.631 hộ thủy sản, so năm 2006 giảm 920 hộ (-20,2%). Ngoài thị xã Từ Sơn và thành phố Bắc Ninh do trừ đi số hộ ở các đơn vị chuyển thành phường nên số hộ nuôi thủy sản ở khu vực nông thôn giảm. Các huyện giảm do chuyển đổi ngành là: Lương Tài giảm 735 hộ (-36,4%); Quê Võ giảm 177 hộ (-64,9%); Yên Phong giảm 100 hộ (-31,3%). Các huyện tăng có: Thuận thành tăng 171 hộ (+74%), Gia Bình tăng 94 hộ (+9,1%). Nguyên nhân tăng do một số địa phương đã chuyển đất sản xuất gạch sang nuôi thủy sản, hoặc các hộ đã chủ động cải tạo ao hồ, tận dụng mặt nước hoang hóa, mặt nước ruộng trồng đưa vào ương nuôi cá làm tăng diện tích thủy sản.

#### **7. Qui mô sản xuất của hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản và xu hướng phát triển trang trại**

Diện tích đất canh tác giành cho nông, lâm nghiệp và thủy sản ngày một thu hẹp do chuyển sang các mục đích sử dụng khác như: Đất ở, đất giành cho sản xuất phi nông nghiệp và các mục đích khác (đường giao thông, trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, an ninh quốc phòng, vv..). Theo kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2010, đất giành cho nông, lâm nghiệp và thủy sản còn 48.716,1 ha, giảm 3.367,5 ha (-6,5%) so với cùng thời điểm này 5 năm trước, bình quân giảm 673,5 ha/năm (-1,3%/năm). Đây là nguyên nhân khiến qui mô sản xuất của hộ tăng chậm mặc dù có sự đầu tư thâm canh. Năm 2010, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha trồng trọt và mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 88,2 triệu đồng, nếu loại trừ yếu tố giá, bình quân mỗi năm

chỉ tăng được khoảng 5%. Như vậy, do năng suất, hiệu quả kinh tế không cao nên mức độ tích tụ các nguồn lực từ nông, lâm nghiệp và thủy sản chậm so với các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Cũng chính vì vậy mà mô hình kinh tế trang trại tuy có nhiều ưu điểm nhưng phát triển vẫn chậm. Những hộ sản xuất đạt qui mô trang trại theo tiêu chí mới rất ít. Tính đến 2010, số trang trại toàn tỉnh theo tiêu chí cũ là 2.679 trang trại, so với năm 2006, tăng 891 trang trại. Tuy nhiên, theo tiêu chí cũ này, qui mô trang trại nhỏ, không chênh lệch vượt trội so với nông hộ bình thường. Vì vậy, theo qui định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì các tiêu chí đều nâng lên rất cao so với trước đây. Theo tiêu chí này, số hộ đạt qui mô trang trại của tỉnh Bắc Ninh chỉ có 63. Trong số 63 trang trại, có 1 trang trại nuôi trồng

thủy sản, 1 trang trại tổng hợp và còn lại 61 trang trại chăn nuôi.

Có thể khẳng định nông nghiệp, nông thôn và nông dân tỉnh Bắc Ninh đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh. Cơ cấu kinh tế nông thôn đang chuyển dịch tích cực, tỉnh đã đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, nâng cao đời sống của cư dân nông thôn, tạo môi trường thu hút đầu tư, đã mang lại diện mạo mới cho nông thôn Bắc Ninh ngày nay. Tuy nhiên, trong sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản của Bắc Ninh vẫn còn những hạn chế, bất cập đó là: Sản xuất còn manh mún, năng suất lao động thấp, không đồng bộ về kết cấu hạ tầng, khả năng thu hút đầu tư của khu vực nông thôn so với khu vực thành thị...vẫn còn nhiều hạn chế./.

